

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày 17 tháng 04 năm 2024
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Minh Hoan;

2. Ông Trần Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 17/04/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2023/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST- DS ngày 01/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐHPTST- DS ngày 28/3/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Trọng L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu X, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Lê Văn L1, sinh năm 1982.

Chị: Trần Thị H, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Anh L có mặt, anh L1 và chị H đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo anh Phan Trọng L trình bày:

Anh Phan Trọng L và anh Lê Văn L1, chị Trần Thị H có quan hệ mua bán cám chăn nuôi với nhau từ năm 2017 . Hai bên đều thống nhất thỏa thuận sau khi

anh L giao cầm cho gia đình anh L1, chị H thì sẽ thanh toán theo đợt và hai bên đã xác định tính đến ngày 13/9/2022 (âm lịch) tức ngày 08/10/2022 dương lịch anh Lê Văn L1, chị Trần Thị H còn nợ tiền cầm của anh Phan Trọng L là 68.515.000 đồng. Sau ngày 08/10/2022 thì anh L1 chị H không trả cho anh L bất kỳ khoản tiền nào nữa mặc dù anh L đã đến gia đình anh L1 chị H đòi nhiều lần nhưng anh L1, chị H đều không trả tiền cho anh L. Nay anh L đề nghị Tòa án buộc anh L1, chị H phải trả cho anh L tổng số tiền là 68.515.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 08/10/2022 cho đến khi anh L1, chị H trả hết nợ cho anh L.

2. Bị đơn Anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H trình bày:

Anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H xác nhận lời khai của anh L là hoàn toàn đúng. anh L có giao cầm cho gia đình anh L1, chị H và sẽ thanh toán theo đợt, hai bên đã xác định tính đến ngày 13/9/2022 (âm lịch) tức ngày 08 tháng 10 năm 2022 dương lịch anh Lê Văn L1, chị Trần Thị H còn nợ tiền cầm của anh Phan Trọng L là 68.515.000 đồng. Nhưng sau đó đến tháng 11/2022 anh L1 đã trả cho anh L là 20.000.000 đồng; tháng 12/2022 anh L1 đã trả cho anh L 15.000.000 đồng. Tổng 02 lần trả là 35.000.000đ . Cả hai lần trả nợ trên anh L là người trực tiếp đến nhà anh L1 lấy tiền và anh L1 là người trực tiếp trả tiền cho anh L nhưng khi trả tiền giữa anh L1 và anh L không viết giấy tờ gì vì theo anh L1 trình bày tin tưởng anh L như mọi lần anh L về sẽ tự trừ tiền nợ cho anh L1. Nay anh L1 xác định vợ chồng anh chỉ còn nợ anh L tiền cầm là 33.515.000 đồng nhưng do điều kiện gia đình quá khó khăn nên anh L1 xin được trả dần 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi thanh toán xong.

Về khoản lãi như đã thỏa thuận khi mua cầm nếu trả tiền ngay thì giá 01 bao cầm là 335.000 đồng/01 bao còn nếu trả sau thì giá là 350.000 đồng/01 bao (chênh 15.000 đồng/01 bao cầm). Do đó khi mua cầm anh L1 đã trả tiền lãi cho anh L tính trên mỗi bao cầm rồi nên anh L1 không nhất trí trả lãi cho anh L nữa.

Trong quá trình lấy cầm thì anh L1, chị H, bà L2 (tên gọi chính là Lê Thị H1 là mẹ đẻ của anh L1 ở cùng nhà với anh L1, chị H năm nay bà đã 70 tuổi) trong lúc giao cầm thì có lúc anh L1, chị H bận nên nhờ bà L2 mẹ anh Lý k xác nhận lấy cầm nhưng bà L2 mẹ anh L1 không liên quan gì đến việc mua bán cầm giữa vợ chồng anh L1, chị H và anh L. Vì vậy đề nghị Tòa án không đưa mẹ anh L1 vào làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Ý kiến của bà L2 (tên gọi chính là Lê Thị H1) trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh L1 có ở cùng với vợ chồng anh L1, chị H, vợ chồng anh L1, chị H có lấy cầm của anh L và thanh toán theo đợt. Trong quá trình lấy cầm có lúc do anh L1 và chị H không có nhà nên bà L2 (Tức H1) là người ký xác nhận là lấy bao nhiêu cầm trong ngày hôm đó. Bà H1 có ký xác nhận trong sổ là L2 để sau đó về nói lại cho anh L1 và chị H là nhận bao nhiêu cầm. Còn việc thanh toán tiền cầm và nợ giữa anh L và anh L1 chị H như thế nào thì bà H1 không biết và không liên quan. Bà H1 đề nghị Toà án không đưa bà vào là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nếu Toà án đưa bà vào làm người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì bà đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt vì bà đã già yếu không thể đến Toà án làm việc được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên pháp biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 195, 196, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Toà án tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Buộc anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H phải trả cho anh Phan Trọng L 68.515.000 đồng và lãi xuất theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn anh Phan Trọng L được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 01/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Phan Trọng L tranh chấp vay tài sản đối với anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H cùng địa chỉ: Khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh lý, và chị H nhưng anh lý, và chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt anh lý, chị H.

[4] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án xác định anh Phan Trọng L là đại lý thức ăn chăn nuôi, anh Lê Văn L1, chị Trần Thị H là hộ chăn nuôi, anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H có lấy cám của anh L để chăn nuôi lợn từ năm 2017, Đến cuối năm 2022, anh L1 chị H không nuôi lợn nữa cũng không thanh toán khoản nợ cho anh L. Số tiền vợ chồng anh L1, chị H còn nợ anh L hai bên thống nhất tính đến ngày 13/9/2022 (âm lịch) tức ngày 08 tháng 10 năm 2022 dương lịch anh Lê Văn L1, chị Trần Thị H còn nợ tiền cám của anh Phan Trọng L là 68.515.000 đồng. Anh L đã nhiều lần đến gia đình anh L1, chị H đòi nợ nhưng vợ chồng anh L1, chị H đều không trả số nợ trên mà anh L1, chị H dùng số tiền của anh L để làm việc khác như xây đắp và mua sắm đồ dùng trong gia đình. Nay anh L yêu cầu gia đình anh L1, chị H trả cho anh L số tiền nêu trên và tiền lãi theo quy định của pháp luật bắt đầu tính từ ngày 08/10/2022 là có căn cứ bởi lẽ: Cả anh Lê Văn L1, chị Trần Thị H đều xác nhận đây là việc vay nợ giữa cá nhân anh L và anh L1, chị H không liên quan đến bà L2 (tên gọi chính là Lê Thị H1 mẹ anh L1). Anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H cũng xác nhận lời khai của anh L là hoàn toàn đúng. Tính đến ngày 13/9/2022 (âm lịch) tức ngày 08/10/2022 dương lịch anh Lê Văn L1, chị Trần Thị H còn nợ tiền cám của anh Phan Trọng L là 68.515.000 đồng. Nhưng sau đó đến tháng 11/2022 anh L1 đã trả cho anh L là 20.000.000 đồng; tháng 12/2022 anh L1 đã trả cho anh L 15.000.000 đồng. Tổng 02 lần trả là 35.000.000đ . Cả hai lần trả nợ trên anh L là người trực tiếp đến nhà anh L1 lấy tiền và anh L1 là người trực tiếp trả tiền cho anh L nhưng khi trả tiền giữa anh L1 và anh L không viết giấy tờ gì, nên anh L1 và chị H không có gì chứng minh đã trả cho anh L 35.000.000đ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh L1, chị H cũng không có gì chứng minh đã trả cho anh L 35.000.000đ. vợ chồng anh L1 và chị H khẳng định chỉ còn nợ anh L tiền cám là 33.515.000 đồng nhưng do điều kiện gia đình quá khó khăn nên anh L1, chị H xin được trả dần 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi thanh toán xong. Trong bản tự khai và biên bản hòa giải anh L1, chị H cũng đã hứa sẽ trả dần cho anh L 2.000.000 đồng/01 tháng, xét thấy việc anh L1, chị H đưa ra như vậy chỉ là kéo dài thời gian, không có thiện trí trả nợ nên cần buộc anh L1, chị H phải trả cho anh L số tiền cám còn nợ 68.515.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất buộc anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H phải chịu lãi số tiền trên từ ngày 08/10/2022 đến ngày xét xử là ngày 17/4/2024 bằng 18 tháng 09 ngày (557 ngày) cụ thể: $68.515.000 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \times 557 \text{ ngày} = 10.455.576 \text{ đồng}$.
Tổng cả gốc và lãi là 78.970.576 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bên nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Trọng L .

- Buộc anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H phải trả cho anh Phan Trọng L 68.515.000 đồng và tiền lãi 10.455.576đồng. Tổng cả gốc và lãi là 78.970.576đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành án thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[2] Về án phí:

Buộc anh Lê Văn L1 và chị Trần Thị H phải chịu 3.948.528đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Phan Trọng L số tiền 1.712.875đ (Một triệu bảy trăm mười hai nghìn tám trăm bảy mươi năm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/2023 0003328 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng

cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Kim Nguyên